

### Section 3: Đại từ phản thân

Vui lòng xem video này tại [Prep.vn](https://prep.vn)

#### Exercise 1: Nối mỗi đại từ phản thân với ngôi đại từ tương ứng

Yourself	Ngôi thứ nhất số ít
Himself	Ngôi thứ nhất số nhiều
Themselves	Ngôi thứ hai số ít
Myself	Ngôi thứ hai số nhiều
Yourselves	Ngôi thứ ba số ít
Herself	Ngôi thứ ba số nhiều
Ourselves	undefined
Itself	undefined

#### Exercise 2: Chọn True nếu khẳng định là đúng, False nếu khẳng định là sai

Đại từ phản thân có thể làm tân ngữ đứng sau cả động từ và giới từ.

- ☐ A. True  
☐ B. False

Đại từ phản thân có thể đứng trước chủ thể để nhấn mạnh.

- ☐ A. True  
☐ B. False

#### Exercise 3: Hoàn thành các câu sau bằng các Đại từ phản thân cho sẵn trong bảng sau

Lưu ý: Mỗi từ chỉ sử dụng 1 lần

yourselves	themselves	itself	myself
himself	yourself	ourselves	herself

No one can help us. We have to help \_\_\_\_\_.  
 Jane always makes the bed by \_\_\_\_\_.  
 They painted the wall all by \_\_\_\_\_.  
 I hurt \_\_\_\_\_ in the playground yesterday.  
 John, you must behave \_\_\_\_\_ before your friends.  
 Children, you must do the homework \_\_\_\_\_.  
 Tom defended \_\_\_\_\_ against the bullies.  
 The dog is scratching \_\_\_\_\_.

#### Exercise 4: Điền đại từ phản thân phù hợp để hoàn thành câu

Ví dụ: Tommy told a lie. He was ashamed of himself.

Masako cut \_\_\_\_\_ while she was chopping vegetables.

People surround \_\_\_\_\_ with friends and family during holidays.

A: Should I marry Steve?

B: No one can make that decision for you, Ann. Only you \_\_\_\_\_ can make such an important decision about your own life.

Emily and Ryan, be careful! You're going to hurt \_\_\_\_\_!

A: I hate my job.

B: Me too. I envy Jacob. He's self-employed.

A: Yeah. I'd like to work for \_\_\_\_\_ too.

Jason, you need to eat better and get more exercise. You should take better care of \_\_\_\_\_. Your father takes care of \_\_\_\_\_, and I take care of \_\_\_\_\_. Your father and I are healthy because we take good care of \_\_\_\_\_. People who take care of \_\_\_\_\_ have a better chance of staying healthy than those who don't.

**Exercise 5: Điền Đại từ nhân xưng hoặc Đại từ phản thân phù hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu**

Ví dụ: She looked at me and I looked at her but we didn't say anything.

When I'm alone I don't always cook for \_\_\_\_\_.

When he looks at \_\_\_\_\_ in the mirror, he gets very depressed.

Don't help \_\_\_\_\_, I want to do it by \_\_\_\_\_.

I'm sorry. I haven't got time to teach \_\_\_\_\_ to cook. You'll have to teach \_\_\_\_\_.

**Exercise 6: Chọn đáp án chứa đại từ phù hợp để hoàn thành đoạn văn sau**

My brother and (1) \_\_\_\_\_ girlfriend have known each other for about five years, but (2) \_\_\_\_\_ have only been going out together for six months. Before that, he didn't like (3) \_\_\_\_\_ and (4) \_\_\_\_\_ didn't like him, but later (5) \_\_\_\_\_ became good friends, and started going out together. (6) \_\_\_\_\_ both have small flats. His flat is in the town centre, and (7) \_\_\_\_\_ very comfortable. (8) \_\_\_\_\_ is a long way out, and it's not as nice. So they spend most of (9) \_\_\_\_\_ free time at his place. He works in a garage, and she's a teacher, but she doesn't let him touch her car - she looks after it (10) \_\_\_\_\_. I like them both very much, and I think they are good for each other, so I hope they will stay together.

Question 1

- ☐ A. Him
- ☐ B. His
- ☐ C. He

Question 2

- ☐ A. He
- ☐ B. She
- ☐ C. They

## Question 3

- ☐ A. She
- ☐ B. Her
- ☐ C. They

## Question 4

- ☐ A. She
- ☐ B. Her
- ☐ C. Them

## Question 5

- ☐ A. They
- ☐ B. We
- ☐ C. Them

PREP.VN

## Question 6

- ☐ A. He
- ☐ B. She
- ☐ C. They

## Question 7

- ☐ A. It
- ☐ B. It's
- ☐ C. Its

## Question 8

- ☐ A. Hers
- ☐ B. Her
- ☐ C. She

## Question 9

- ☐ A. My
- ☐ B. Them
- ☐ C. Their

## Question 10

- ☐ A. Him
- ☐ B. It
- ☐ C. Herself

PREP.VN